

CHƯƠNG 10

NHỮNG THÁCH THỨC MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG 5 NĂM TỚI





CHƯƠNG 10

NHỮNG THÁCH THỨC MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG 5 NĂM TỚI

10.1. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI

10.1.1. Ô nhiễm và sự cố môi trường tiếp tục gia tăng, đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm

Ô nhiễm môi trường nước tại các LVS vẫn không giảm, vấn đề úng ngập tại các đô thị có xu hướng mở rộng và gia tăng

Môi trường nước mặt ở nhiều LVS nước ta đều bị ô nhiễm các chất hữu cơ. Nguyên nhân chính là do xả thải không qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu của các nguồn nước thải từ các KCN, CCN, các cơ sở sản xuất, nước thải sinh hoạt, dịch vụ ở các đô thị và nước thải từ hoạt động khai thác khoáng sản ở đầu nguồn đã gây ô nhiễm cho các nguồn nước mặt.

Trong những năm gần đây, tình trạng úng ngập tại nhiều đô thị không được cải thiện mà còn có xu hướng mở rộng và gia tăng. Nguyên nhân chính là do hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhiều đô thị ngày càng xuống cấp nhưng chưa được đầu tư, nâng cấp cải thiện tương xứng với yêu cầu phát triển. Cộng thêm những ảnh hưởng của BĐKH, diễn biến bất thường của thiên tai, thời tiết, triều cường càng khiến cho mức độ úng ngập tại nhiều đô thị càng thêm trầm trọng.

Ô nhiễm bụi tại khu vực đô thị, khu vực sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì ở ngưỡng cao

Tại các đô thị lớn, chất lượng không khí không có nhiều cải thiện so với giai đoạn

2006 - 2010. Ô nhiễm bụi có xu hướng duy trì ở ngưỡng cao, đặc biệt là các khu vực gần các trục giao thông hay các khu vực có hoạt động công nghiệp phát triển mạnh. Đặc biệt, trong giai đoạn 2011 - 2015, việc cải tạo, xây dựng mới các tuyến quốc lộ, hệ thống đường giao thông nội thành, nội thị... cũng phát tán vào môi trường một lượng bụi rất lớn, gây ô nhiễm không khí cho các khu vực lân cận.

Ô nhiễm môi trường các khu/cụm công nghiệp và làng nghề là đáng lo ngại

Trong tổng số 209 KCN đang hoạt động trong cả nước có 165 KCN đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (chiếm 78,9%), 24 KCN đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải (chiếm 11,5%). Nước thải chưa xử lý từ các KCN này vẫn tiếp tục gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận. Vẫn còn một tỷ lệ khá lớn CTR phát sinh từ các KCN, CCN chưa được phân loại và xử lý đúng kỹ thuật vệ sinh môi trường, đặc biệt đối với CTNH.

Bên cạnh đó, vấn đề ô nhiễm ở các làng nghề tồn tại từ rất lâu nhưng chưa có biện pháp khắc phục và giải quyết hiệu quả. Tình trạng ô nhiễm môi trường của nhiều làng nghề diễn biến ngày càng trầm trọng hơn. Một số loại hình làng nghề, đặc biệt là các làng nghề tái chế cũng đang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của một bộ phận lớn người dân trong các khu vực này và vùng

lân cận. Việc xây dựng các chính sách, giải pháp phù hợp bảo đảm hoạt động bền vững của các làng nghề truyền thống đáp ứng tốt các yêu cầu về BVMT đang gặp nhiều lúng túng do chính thói quen, tập quán sinh hoạt của người dân.

Ô nhiễm nông nghiệp do sử dụng không hợp lý phân bón hóa học, thuốc BVTV chưa được cải thiện

Trong những năm qua, nhu cầu sử dụng thuốc BVTV ngày càng gia tăng cả về số lượng và liều lượng hoạt chất. Đặc biệt, một lượng lớn vỏ bao bì phân bón, thuốc BVTV thải bỏ bừa bãi ra môi trường mà chưa có biện pháp xử lý phù hợp. Đây là nguồn ô nhiễm khá nghiêm trọng cho môi trường đất và nước tại các khu vực chuyên canh nông nghiệp.

Sự cố môi trường tiếp tục gia tăng, gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, năng lực ứng phó sự cố còn nhiều hạn chế

Các sự cố môi trường ở nước ta chủ yếu gồm: sự cố đối với các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải, CTR), sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, tràn dầu và một số sự cố khác.

Theo thống kê của Bộ TN&MT¹, các sự cố tràn dầu tiếp tục xảy ra phổ biến tại các khu vực ngoài khơi và ven biển. Hàng năm có trung bình khoảng 5-6 vụ tràn dầu lớn được ghi nhận. Nguyên nhân chủ yếu do va chạm, quá trình bốc dỡ hoặc đắm tàu gây ra. Cùng với đó, còn xuất hiện hiện tượng

dầu ô nhiễm dạt vào bờ biển một số tỉnh miền Trung và miền Nam không rõ nguyên nhân, gây ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động KT -XH. Điển hình như sự cố tràn dầu do chìm tàu Trường Hải Star vì đâm va với tàu Krairatch Dignity của Thái Lan tháng 4/2012; hay vào tháng 9/2012, khoảng 6 tấn dầu tràn không rõ nguyên nhân trôi dạt vào bờ biển đảo Phú Quý, tại vùng biển xã Tam Thanh, huyện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận; sự cố tàu Heung A Dragon bị chìm tại vịnh Gành Rái, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu năm 2013... Các sự cố tràn dầu thường để lại hậu quả khá nghiêm trọng, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, tài nguyên thủy sinh, tài nguyên nước, tài nguyên đất trên một khu vực rộng, gây thiệt hại đến các hoạt động kinh tế của người dân.

Các sự cố nổ, rò rỉ hóa chất xảy ra chủ yếu là do những sơ xuất, bất cập trong công tác phòng ngừa, năng lực và hiệu quả hạn chế trong các hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố. Một số sự cố môi trường nghiêm trọng về nổ, rò rỉ hóa chất, ngạt khí đã xảy ra gần đây như sự cố bụi lò đốt chất thải của Công ty Cổ phần phốt pho vàng Lào Cai, làm cho bùn phốt pho tràn ra ngoài gây cháy lớn vào tháng 2/2012; vụ nổ hóa chất tại Công ty TNHH Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại Đặng Huỳnh (tháng 10/2014) tại Tp. Hồ Chí Minh; vụ nổ khí dẫn tới cháy lò than tại Công ty than Đồng Vông thuộc Công ty Than Uông Bí, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam vào tháng 1/2014. Gần đây nhất là sự cố vỡ bể chứa bùn thải chì thuộc nhà máy chế biến chì kẽm của Công ty

1. Báo cáo tổng kết công tác BVMT giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng giai đoạn 2016 - 2020, Bộ TN&MT, năm 2015.

THHH CKC tại Lạng Cá, thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm (Cao Bằng) tháng 01/2016. Sự cố xảy ra ước tính khiến cho 2.000 m³ nước thải và bùn thải có chứa chì tràn ra môi trường, vùi lấp 1.000 m² đất ruộng khu vực lân cận. Sự cố nổ, rò rỉ hóa chất, ngạt khí có tính độc hại cao, khi xâm nhập vào môi trường sẽ hủy hoại sinh vật trong tự nhiên và tác động xấu đến sức khỏe con người, có thể gây tử vong.

Bên cạnh đó, còn có những trường hợp chưa xảy ra sự cố nhưng nguy cơ xảy ra là không tránh khỏi nếu không có những biện pháp xử lý, ứng phó kịp thời. Điển hình như vụ container chứa dầu biến thế có PCB, tại khu vực cảng Cái Lân, qua thời gian lưu tại cảng 7 năm, có nguy cơ rất lớn rò rỉ CTNH ra môi trường. Do được xử lý kịp thời nên chưa xảy ra sự cố nghiêm trọng. Hiện số dầu trên đã được vận chuyển an toàn đến tỉnh Kiên Giang để xử lý.

Các sự cố môi trường thủy hải sản (tự nhiên và nuôi trồng) chết hàng loạt trên các sông và vùng ven biển do chất thải công nghiệp xả thải gây ô nhiễm môi trường cũng đang có xu hướng gia tăng cả về số vụ và mức độ thiệt hại. Trong giai đoạn trước, sự cố cá chết hàng loạt trên sông Thị Vải do Công ty Vedan xả nước thải gây ô nhiễm nặng nước sông trong nhiều năm (từ năm 2006 - 2008) đã gióng lên hồi chuông báo động về việc các doanh nghiệp xả thải trộm chất thải chưa qua xử lý vào môi trường. Tuy nhiên, những năm tiếp theo, hàng loạt các sự cố thủy hải sản chết ở nhiều tỉnh thành vẫn tiếp tục xảy ra do các doanh nghiệp xả

nước thải, chất thải chưa qua xử lý ra môi trường gây ô nhiễm môi trường.

Điển hình như vụ cá chết hàng loạt trên sông Bưởi (huyện Thạch Thành, Thanh Hóa) vào tháng 3-4/2016 do việc xả nước thải của Nhà máy Mía đường Hòa Bình (tỉnh Hòa Bình, thượng nguồn sông Bưởi) gây ô nhiễm hạ lưu sông Bưởi. Hay vụ thủy sản nuôi trồng chết hàng loạt tại thôn Hiệp Thanh, xã Cam Thịnh Đông (Khánh Hòa) vào vào cuối năm 2015, do nước thải Nhà máy Yến xào Khánh Hòa và Công ty TNHH Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Cam Ranh xả trực tiếp ra môi trường không qua xử lý gây ô nhiễm nặng nước sông Cạn...

Đặc biệt nghiêm trọng là sự cố ô nhiễm môi trường biển gây hiện tượng cá chết hàng loạt tại 4 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế vào tháng 4/2016. Nguyên nhân là do Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh thuộc KKT Vũng Áng (Hà Tĩnh) trong quá trình thi công, vận hành thử nghiệm tổ hợp nhà máy, đã có những vi phạm và để xảy ra sự cố, dẫn đến nước thải có chứa độc tố chưa được xử lý đạt quy chuẩn xả ra môi trường. Sự cố này đã gây ra những thiệt hại về kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó, chịu ảnh hưởng nặng nhất là ngành thủy sản, tiếp đến là hoạt động kinh doanh, dịch vụ, du lịch và đời sống sinh hoạt của người dân. Hiện nay, các cơ quan chức năng vẫn đang tiếp tục đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và xác định mức độ thiệt hại của sự cố này.

Qua hàng loạt những sự cố môi trường xảy ra trong thời gian qua cùng với xu thế

phát triển của các dự án công nghiệp với quy mô lớn hiện nay cho thấy, việc kiểm soát hoạt động xả thải của các dự án, cơ sở; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các nguồn thải và đảm bảo năng lực ứng phó kịp thời là những vấn đề đặc biệt quan trọng đối với công tác ứng phó và xử lý các sự cố môi trường.

Một trong những vấn đề đặc biệt quan trọng trong xử lý sự cố môi trường đó là năng lực ứng phó. Hoạt động ứng phó các sự cố môi trường trong thời gian qua cho thấy, năng lực ứng phó sự cố môi trường của nước ta còn rất hạn chế, cả ở cấp trung ương và địa phương. Mặc dù từ năm 2005, Luật Bảo vệ môi trường đã có riêng 01 chương quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường, đến năm 2014, Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi tiếp tục bổ sung quy định chi tiết về trách nhiệm của các Bộ ngành, UBND cấp tỉnh thực hiện điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ các loại sự cố môi trường có thể xảy ra, xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ và ứng phó,... tuy nhiên, việc triển khai trong thực tế còn rất hạn chế. Công tác ứng phó sự cố cũng như các tập huấn, đào tạo nghiệp vụ mới chỉ tập trung cho hoạt động ứng phó sự cố do thiên tai và sự cố tràn dầu. Chưa xây dựng được quy trình ứng phó với các loại sự cố môi trường để các cấp, các ngành có liên quan chủ động xử lý hiệu quả khi sự cố xảy ra. Hiện nay, ở cấp quốc gia cũng mới chỉ có Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn và 03 Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Bắc, miền Trung và miền Nam, chưa có các đơn vị chuyên trách cho các sự

cố môi trường khác. Chính vì vậy, khi có sự cố môi trường xảy ra, công tác ứng phó, xử lý và khắc phục sự cố môi trường vẫn chưa được kịp thời và còn nhiều lúng túng, đặc biệt là ở cấp địa phương.

Có thể thấy rằng, việc phát triển mạnh mẽ các hoạt động công nghiệp, đặc biệt là việc hình thành các KCN, KKT tập trung ở các vùng dễ bị tổn thương như vùng duyên hải, ven biển trong những năm gần đây (KKT Nghi Sơn, Vũng Áng, Dung Quất, Chu Lai...), bên cạnh việc góp phần tăng trưởng kinh tế, xã hội cho khu vực nhưng cũng đang tiềm ẩn những nguy cơ không nhỏ về sự cố môi trường nếu như việc quản lý và xả thải chất thải của các đối tượng này không được thực hiện nghiêm túc và giám sát chặt chẽ, hay hệ thống cảnh báo cũng như năng lực ứng phó, khắc phục sự cố không được đầu tư đúng mức và kịp thời.

Đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm nghiêm trọng

Việt Nam là một trong những nước có ĐDSH đứng đầu thế giới về đa dạng các HST, đa dạng về giống loài và đa dạng gen, nhưng ĐDSH ở nước ta đang bị suy giảm nghiêm trọng. Diện tích rừng tăng hàng năm nhưng chủ yếu là rừng trồng, HST rừng tự nhiên tiếp tục suy giảm cả về diện tích và chất lượng. Các HST rừng ngập mặn, rạn san hô và thảm cỏ biển đã và đang bị tàn phá, tiếp tục đứng trước nguy cơ suy thoái. Số lượng loài bị đe dọa và mức độ đe dọa của các sinh vật hoang dã tiếp tục tăng. Nguồn gen tự nhiên chưa được bảo tồn hợp lý, đặc biệt là các nguồn gen bản địa, quý hiếm...

10.1.2. Công tác quản lý môi trường còn nhiều bất cập

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vẫn còn một số bất cập. Điều đó thể hiện ngay từ sự chồng chéo, không rõ ràng, chưa đầy đủ và thiếu tính đồng bộ, hệ thống trong các quy định của văn bản quy phạm pháp luật.

Năng lực quản lý nhà nước về BVMT còn nhiều bất cập, không theo kịp với sự phát sinh và tính chất ngày càng phức tạp của các vấn đề môi trường. Thể hiện từ vai trò điều phối, giúp Chính phủ và chính quyền các cấp thống nhất quản lý nhà nước về môi trường của ngành tài nguyên và môi trường còn nhiều bất cập, lúng túng và chưa hiệu quả do còn chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng. Ở cấp địa phương, cơ cấu tổ chức và năng lực của tổ chức chuyên môn về BVMT chưa đáp ứng yêu cầu quản lý. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng, mất cân đối về cơ cấu.

Bên cạnh đó, *nguồn lực tài chính đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn hẹp.* Trong giai đoạn hiện nay chúng ta đang rất cần vốn đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật về BVMT nhất là hệ thống thu gom, xử lý nước thải; thu gom, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải trong khi khả năng đáp ứng của ngân sách và từ xã hội đều không đảm bảo, đặt ra thách thức đối với công tác BVMT.

Đối với công tác quản lý CTR, *tỷ lệ thu gom CTR khu vực nông thôn còn rất thấp, trung bình mới chỉ đạt khoảng 40 - 55%, tập trung ở các thị trấn, thị tứ. Các vùng sâu, vùng xa tỷ lệ này chỉ đạt khoảng 10%.* Thêm vào đó, *công tác quản lý CTR nông thôn vẫn*

đang còn bỏ ngỏ, chưa rõ trách nhiệm cụ thể của các bên liên quan. Chính điều này khiến cho các hoạt động thu gom, xử lý CTR nông thôn gặp rất nhiều khó khăn. *Vấn đề ứng dụng công nghệ xử lý CTR chưa được quan tâm đúng mức.* Trong những năm gần đây, một số địa phương đã đầu tư, lắp đặt các lò đốt CTR với công suất nhỏ, phục vụ việc xử lý CTR cho một vùng nông thôn hoặc một khu vực dân cư. Tuy nhiên, hiệu quả xử lý cũng như quá trình vận hành có đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường hay không là vấn đề chưa được kiểm tra xác nhận. Nguy cơ ô nhiễm môi trường thứ cấp do khí thải độc hại từ các lò đốt này đang là vấn đề cần được các cơ quan quản lý môi trường quan tâm ngay.

Công tác quản lý và kiểm soát nguồn thải từ hoạt động công nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp luôn là một trong những định hướng trọng tâm của kế hoạch phát triển KT - XH. Tuy nhiên, cùng với phát triển công nghiệp là vấn đề phát sinh một lượng lớn chất thải công nghiệp (nước thải, khí thải, CTR). Trong giai đoạn vừa qua, song song với việc đầu tư phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, ngành công nghiệp nặng (nhiệt điện, xi măng, luyện kim) tiếp tục phát triển mạnh, ngay cả trong giai đoạn suy thoái kinh tế thế giới. Đây là những loại hình sản xuất gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu nhiều mặt lên môi trường, phát thải hóa chất, các chất độc hại khó phân hủy ra môi trường với chi phí xử lý cao.

Nguyên nhân là hầu hết các ngành sản xuất này đều sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng, nước, sử dụng

tài nguyên kém hiệu quả. Vấn đề này lại càng là thách thức lớn khi trên thế giới hiện đang có xu thế dịch chuyển các loại hình sản xuất gây ô nhiễm môi trường từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển. Có nhiều biểu hiện cho thấy việc các công nghệ cũ, lạc hậu được sử dụng trong dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài hoặc theo các dòng thương mại quốc tế du nhập vào Việt Nam đang có nguy cơ thực tế biến nước ta trở thành bãi thải công nghệ sản xuất của thế giới.

Song song với đó, các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội cho công tác BVMT tuy đã được ban hành nhưng còn thiếu tính khả thi, chưa phát huy được hiệu quả.

Hoạt động hợp tác quốc tế về BVMT còn chưa có sự chủ động, chưa tranh thủ được tối đa, nắm bắt kịp thời các cơ hội huy động hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ về BVMT; đôi lúc còn thiếu tính chủ động trong việc tìm nguồn tài trợ quốc tế.

10.1.3. Biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường xuyên biên giới ngày càng lớn, phức tạp, khó lường, đặt ra các yêu cầu ngày càng cao đối với công tác bảo vệ môi trường

Biến đổi khí hậu diễn biến nhanh, phức tạp hơn so với dự báo, tác động nhiều mặt lên môi trường nước ta, đồng thời đe dọa nghiêm trọng đến an ninh lương thực và phát triển nông nghiệp, là nguy cơ hiện hữu cho các mục tiêu xóa đói giảm nghèo cũng như việc thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và phát triển bền vững đất nước.

Các vấn đề môi trường theo LVS Mê Công, sông Hồng, các sông xuyên biên giới ngày càng phức tạp; chúng ta đang phải gánh chịu nhiều tác động xấu tới môi trường nước bởi chất thải của các quốc gia đầu nguồn đổ xuống lưu vực. Bên cạnh đó, việc gia tăng xây dựng các dự án thủy điện của một số quốc gia trên dòng chính sông Mê Công dự báo sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới an ninh nguồn nước, nguồn lợi thủy sản và ĐDSH của nước ta.

Ô nhiễm trên biển Đông diễn biến phức tạp và chưa có biện pháp ứng phó hiệu quả, đặc biệt nổi lên là ô nhiễm dầu từ các hoạt động hợp tác khai thác dầu khí, giao thông vận tải trên biển và sự cố tràn dầu trên biển Đông ảnh hưởng tới các vùng ven biển ở nước ta.

Vấn đề ô nhiễm không khí xuyên biên giới mặc dù chưa có biểu hiện rõ ràng nhưng đã xuất hiện những dấu hiệu ảnh hưởng nhất định. Một số nghiên cứu từ các tổ chức quốc tế cho thấy, môi trường không khí nước ta đang chịu ảnh hưởng từ nguồn xuyên biên giới theo quy luật mức độ ô nhiễm tăng đáng kể vào mùa đông.

Xu thế dịch chuyển chính sách phát triển KT - XH và quản lý tài nguyên môi trường ở các nước trên thế giới đặt ra yêu cầu đối với công tác quản lý môi trường nước ta ngày càng cao để đáp ứng thương mại quốc tế, hội nhập quốc tế

Biến đổi khí hậu có tác động lên mọi đối tượng, từ nhiều góc độ và buộc con người phải thích ứng để tồn tại và phát triển. Trong bối cảnh đó, hiện nay trên thế giới đang có

sự dịch chuyển chính sách như chuyển đổi mô hình tăng trưởng, điều chỉnh định hướng phát triển..., đưa ra cách thức tiếp cận mới về tăng trưởng kinh tế, quản lý tài nguyên nhiên nhiên và BVMT, thúc đẩy an sinh xã hội. Điều đó đặt ra cho Việt Nam cần sớm nắm bắt xu thế và có những bước đi phù hợp trong nỗ lực thích ứng với BĐKH trên phạm vi toàn cầu.

Mặc dù tỷ trọng các ngành kinh tế đã có sự thay đổi đáng kể so với trước đây, tuy nhiên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường, khai thác được các tiềm năng du lịch, nông nghiệp để ứng phó với BĐKH chưa được đẩy mạnh, đặc biệt ở các địa phương, chưa tận dụng được lợi thế liên kết vùng, đóng góp của các ngành kinh tế có sử dụng năng lượng sạch chưa cao.

Xây dựng thị trường các bon là vấn đề khá mới mẻ đối với Việt Nam; các cơ quan quản lý còn lúng túng trong việc xác định, xây dựng và thực hiện công tác quản lý đối với hoạt động kinh doanh tín chỉ các bon trong tương lai để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đầu tư, kinh doanh tín chỉ các bon ra thị trường thế giới.

Định hướng phát triển bền vững, chuyển đổi mô hình tăng trưởng hướng tới nền kinh tế xanh đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác BVMT

Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc đã thông qua 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu phát triển bền vững, trong đó có nhiều mục tiêu và chỉ tiêu về môi trường hoặc liên quan đến môi trường. Đây là thách thức lớn đối

với nước ta trong việc thiết lập cơ chế, phân công trách nhiệm và huy động nguồn lực để thực hiện, nhất là việc thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu về môi trường.

Nền kinh tế xanh gắn với sử dụng năng lượng tái tạo, xây dựng xã hội các bon thấp, tăng trưởng xanh, đầu tư khôi phục HST, giải quyết sinh kế gắn với phục hồi môi trường v.v. Với hiện trạng công nghệ sản xuất ở Việt Nam hiện nay, việc thay đổi công nghệ mới phù hợp với nền kinh tế xanh để thực hiện tăng trưởng xanh là thách thức không nhỏ nếu không có sự trợ giúp về vốn và công nghệ của các nước phát triển có công nghệ cao trên thế giới.

Phát triển "kinh tế xanh" phải gắn với xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội, đặc biệt là các khu vực miền núi, nông thôn là thách thức không nhỏ trong lựa chọn chính sách thực hiện kế hoạch hành động xanh. Mặc dù Việt Nam đã thoát khỏi ngưỡng của nước nghèo nhưng tích lũy quốc gia so với các nước đã phát triển còn thấp, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình triển khai hướng tới "nền kinh tế xanh" thực hiện "tăng trưởng xanh" như tính toán đầu tư trở lại phục hồi tự nhiên cần 1 - 3% GDP.

10.1.4. Những cơ hội đối với công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn mới

Bên cạnh những thách thức đặt ra đối với môi trường, trong giai đoạn mới, công tác BVMT cũng đứng trước những cơ hội mới. Trong những năm gần đây, đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật về BVMT cơ bản được hoàn thiện. Có sự chuyển biến tích

cực về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về môi trường của cộng đồng và các doanh nghiệp. Người dân đã quan tâm nhiều hơn tới môi trường, đến những vấn đề ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, hoạt động sinh hoạt sản xuất và ngày càng có ý thức hơn đối với công tác BVMT. Đối với các doanh nghiệp, từ chỗ không quan tâm đến cải thiện môi trường, đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường doanh nghiệp chỉ mang tính chất đối phó, ý thức chấp hành các quy định pháp luật về BVMT của nhiều doanh nghiệp đã từng bước được cải thiện. Việc phát huy những chuyển biến tích cực, huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác BVMT là một cơ hội để công tác quản lý môi trường nước ta ngày càng hiệu quả hơn.

Cũng trong giai đoạn vừa qua, những điểm sáng trong khắc phục, cải thiện ô nhiễm môi trường từ các dự án, chương trình đã được triển khai cho thấy những hướng đi phù hợp, hiệu quả cần được phát huy, nhân rộng. Đồng thời, cũng cần tiếp tục nghiên cứu, khai thác tối đa các đặc điểm về tự nhiên, địa hình, vấn đề văn hóa, dân tộc... nhằm giải quyết các vấn đề mới trong ứng phó thành công với BĐKH như các văn bản của Đảng, Nhà nước đã đề ra.

Cùng với đó, trong xu thế hội nhập quốc tế, mặc dù việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường, chuyển đổi mô hình tăng trưởng hướng tới nền kinh tế xanh đã đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với công tác BVMT nhưng cũng đồng thời là một cơ hội lớn. Việc học tập kinh nghiệm của các nước đi trước, tận dụng các nguồn hỗ trợ, cơ hội hợp tác với

các quốc gia khác sẽ hỗ trợ hiệu quả hơn cho công tác quản lý môi trường Việt Nam trong giai đoạn mới.

Cũng trong xu thế toàn cầu hóa, việc cùng tham gia nghiên cứu, giải quyết các vấn đề môi trường liên vùng, liên quốc gia về môi trường sẽ là một cơ hội không nhỏ để Việt Nam huy động được nguồn lực cho công tác BVMT và phát triển bền vững.

10.2. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG 5 NĂM TỚI

10.2.1. Định hướng

Với những thách thức đặt ra trong giai đoạn 2011 - 2015 cũng như những cơ hội trước một giai đoạn mới, công tác BVMT của Việt Nam cần có những định hướng kế hoạch cần tập trung thực hiện cho giai đoạn tiếp theo để tiếp tục mục tiêu đảm bảo phát triển KT- XH đi đôi với BVMT và phát triển bền vững. Hội nghị môi trường toàn quốc lần thứ 4 (tổ chức vào tháng 9/2015) đã thảo luận và thống nhất đưa ra một số định hướng cho công tác BVMT giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể:

1. Quản lý và kiểm soát hiệu quả các nguồn thải trọng điểm.
2. Giải quyết những vấn đề môi trường nổi cộm, từng bước giảm nhẹ và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu vực trọng điểm.
3. Giám sát các vấn đề về ô nhiễm môi trường xuyên biên giới, ứng phó hiệu quả với diễn biến BĐKH.

4. KIỆN TOÀN HỆ THỐNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BVMT.

5. Công tác quản lý và BVMT quốc gia phải bám sát với xu hướng chung của thế giới, định hướng phát triển bền vững, chuyển đổi mô hình tăng trưởng hướng tới nền kinh tế xanh để đáp ứng yêu cầu hội nhập trong giai đoạn mới.

Để khắc phục những hạn chế, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm, tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác bảo vệ môi trường, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 yêu cầu các bộ, ngành, địa phương cần quán triệt, thực hiện nghiêm Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo vệ môi trường là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, doanh nghiệp và nhân dân; thu hút đầu tư phải bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường; không cho phép đầu tư vào các loại hình sản xuất, sử dụng công nghệ lạc hậu có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường. Chỉ thị cũng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương phải phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ khâu xét duyệt, thẩm định đến triển khai thực hiện và vận hành dự án. Chủ đầu tư, cơ quan quyết định, phê duyệt đầu tư, thẩm định công nghệ sản xuất, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phải chịu trách nhiệm về vấn đề môi trường của dự án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm toàn diện về các vấn đề môi trường trên địa bàn. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thanh

tra, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của các Bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở đó, Chỉ thị đã đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

10.2.2. Một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về BVMT, trước mắt tập trung sửa đổi các quy định về bảo vệ môi trường trong các luật về môi trường, tài nguyên, thuế, ngân sách, đầu tư, xây dựng, khoa học và công nghệ, năng lượng... bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

Rà soát, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường, khắc phục những bất cập hiện nay, nhất là các quy định về các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước, biện pháp kỹ thuật kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải của doanh nghiệp. Rà soát, điều chỉnh các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phù hợp với điều kiện trong nước và yêu cầu hội nhập quốc tế, kết hợp thải lượng chất ô nhiễm và sức chịu tải của môi trường;

Xây dựng hệ thống tiêu chí về môi trường làm cơ sở lựa chọn, sàng lọc loại hình sản xuất và công nghệ sản xuất trong thu hút đầu tư, xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư;

Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định về bảo vệ môi trường theo hướng

ngăn chặn các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường;

Quy định cụ thể tỷ lệ vốn đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường đối với các loại hình dự án đầu tư; đề xuất giá dịch vụ trong xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải rắn.

Nghiên cứu, sửa đổi phù hợp và tổ chức thực hiện nghiêm túc tiêu chí về bảo vệ môi trường trong việc công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới.

Rà soát, trình Chính phủ quy định giao Chi cục bảo vệ môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường của địa phương, tập trung vào các lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm cao và các đô thị đông dân cư, khu vực có hệ sinh thái nhạy cảm cần được bảo vệ.

2. Tăng cường và chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm

Tập trung thanh tra, kiểm tra các đối tượng có lưu lượng nước thải từ 200 m³/ngày đêm trở lên trên phạm vi cả nước; rà soát đánh giá tác động môi trường, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án lớn, nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường; rà soát, chấn chỉnh công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xây dựng kế hoạch thanh tra môi trường,

bảo đảm không chồng chéo, không gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Chủ trì, phối hợp với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tổng điều tra, đánh giá, phân loại các nguồn thải trên phạm vi cả nước; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải, hoàn thành trong năm 2018.

Tăng cường trách nhiệm, có cơ chế phù hợp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực sông.

Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo về môi trường tại các vùng kinh tế trọng điểm, các khu vực tập trung nhiều nguồn thải, khu vực nhạy cảm về môi trường.

Ban hành bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường của các địa phương.

Rà soát các báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, các công trình biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư, nhất là các dự án lớn có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường để có điều chỉnh kịp thời.

Đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động của lực lượng cảnh sát môi trường theo hướng tập trung vào đấu tranh, phòng chống tội phạm về môi trường; xử lý các vụ việc vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự.

Tăng cường công tác đánh giá tác động của công nghệ nhập khẩu đến môi trường; rà soát các dự án nhập khẩu dây chuyền,

công nghệ xử lý rác thải; đề xuất công nghệ, thực hiện thí điểm xử lý chất thải rắn bằng công nghệ của Việt Nam.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch liên quan đến xây dựng do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, làm rõ những nội dung bảo vệ môi trường và từng công trình bảo vệ môi trường; rà soát, kiểm tra việc tuân thủ quy hoạch xây dựng chi tiết đối với các dự án đầu tư lớn, có tác động xấu đến môi trường; rà soát định mức, chi phí cho bảo vệ môi trường trong tổng mức đầu tư của dự án xây dựng.

Rà soát và tổ chức kiểm tra việc tuân thủ thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt với các dự án đầu tư lớn, có tác động xấu đến môi trường.

Tăng cường kiểm tra, đôn đốc chủ dự án, nhà đầu tư tuân thủ các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ vận hành dự án.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung xử lý triệt để, di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư, chuyển vào các khu công nghiệp; yêu cầu tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; buộc đối tượng có quy mô xả lớn lắp đặt ngay các thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải theo quy định của pháp luật và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương; hoàn thành việc phê duyệt, rà soát phê duyệt lại theo thẩm quyền quy hoạch quản

lý chất thải rắn; tổ chức thực hiện ngay quy hoạch đã được phê duyệt; điều tra, đánh giá, khoanh vùng và có kế hoạch xử lý các khu vực ô nhiễm tồn lưu trên địa bàn.

3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và huy động nguồn lực cho bảo vệ môi trường

Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý môi trường, ưu tiên cấp huyện, xã; sử dụng nguồn sự nghiệp môi trường để bố trí cán bộ hợp đồng phụ trách công tác bảo vệ môi trường cấp xã; tăng cường đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Cân đối, bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy hoạch đã được phê duyệt ngay trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dài hạn.

Trình Thủ tướng Chính phủ phương án bảo đảm kinh phí cho bảo vệ môi trường theo hướng: tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước, cân đối kinh phí thường xuyên sự nghiệp môi trường hàng năm không dưới 1% tổng chi ngân sách Nhà nước và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế; tính đúng, tính đủ giá dịch vụ môi trường; đề xuất phương án để dành 100% tiền xử phạt vi phạm hành chính về môi trường để đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.

Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ Đề án về cơ chế đột phá huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa bảo vệ môi trường, thực hiện đúng nguyên tắc: “người được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng

góp tài chính cho bảo vệ môi trường; người gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại”.

Chi đúng, chi đủ nguồn ngân sách nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, phân loại rác tại nguồn và thu gom rác thải; tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phối hợp, phản biện, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường; chủ động cung cấp thông tin, phát huy vai trò của báo chí trong công tác bảo vệ môi trường.

4. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế và ứng dụng khoa học công nghệ

Thay đổi tư duy về hợp tác quốc tế, chuyển từ quan niệm thụ động tiếp nhận sang chủ động hội nhập, sẵn sàng cùng tham gia, chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi. Tăng cường đầu tư tài lực và nhân lực cho hợp tác quốc tế về môi trường, tham gia tích cực

vào các tổ chức quốc tế về môi trường, bố trí kinh phí để thực hiện các sáng kiến, sự kiện do Việt Nam chủ trì. Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế của ngành, xác định các định hướng hợp tác chiến lược, tập trung vào những vấn đề vừa giải quyết nhu cầu trong nước, vừa đóng góp giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu và khu vực, chú trọng những vấn đề mới mà Việt Nam có lợi thế.

Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác truyền thống và mở rộng hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế khác nhằm huy động nguồn lực quốc tế cho hoạt động BVMT của Việt Nam. Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế, coi trọng việc tham gia và thực hiện các điều ước quốc tế, thúc đẩy hợp tác Á - Âu, châu Á - Thái Bình Dương, ASEAN, ASEAN+3, cơ chế hợp tác môi trường Đông Á, hợp tác về môi trường các nước Tiểu vùng sông Mê Công trong BVMT. Tăng cường xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án về BVMT chung trong khuôn khổ các thỏa thuận song phương, đa phương về môi trường.